

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 724/2021/DS-PT

Ngày: 23-12-2021

V/v Tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy

*Các Thẩm phán:*

1/ Ông Uông Văn Tuấn

2/ Bà Võ Thị Kim Thương

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* - Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2021/DS-PT ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp lỗi đi*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4471/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 3/19, tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp LC, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

- Bà Đoàn Thị Thiên Thanh T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, thị trấn CC, huyện C, Thành phố H.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp BĐ2, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Bà Huỳnh Ngọc X, sinh năm 1972.

3.2/ Bà Huỳnh Thị Hồng N1, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bà X, bà N1:* Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số 3/19, tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

*Những người tham gia tố tụng khác*

*4. Người làm chứng:*

4.1/ Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số 198/10 HL 2, tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.2/ Bà Trần Thị U, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3/20, tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.3/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.4/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 25/3, tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.5/ Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1937 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.6/ Ông Nguyễn Tất H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.7/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.8/ Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ MB, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

4.9/ Ông Bùi Văn B, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số 19 Đường số SM, tổ M, ấp XD, xã TPT, huyện C, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T – là luật sư Công ty Luật TNHH MTV ĐAT – Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: số 154 TL8, Khu phố 2, thị trấn C, Thành phố H.

*Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Ngọc T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Bà là chủ sử dụng phần đất có diện tích 144,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 1087, tờ bản đồ số 16, Bộ địa chính xã TPT, huyện C, phần đất này bà đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO 1097/12 ngày 19/9/2007.

Ông Nguyễn Thanh B là chủ sử dụng thửa đất tiếp giáp với phần đất của bà, phần đất của ông B thuộc thửa 1304-1, 1356-1, tờ bản đồ số 4, 19, Bộ địa chính xã TPT, huyện C. Giữa 02 phần đất trên có con đường đi công cộng chiều ngang khoảng 4m, chiều dài hơn 100m, sau khi đo đạc thực tế là 443,9m<sup>2</sup> theo bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Đo đạc bản đồ HT lập ngày 19/6/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 30/6/2020.

Năm 2007, ông B tự ý xây tường rào chắn ngang con đường đi tiếp giáp phần đất của 02 bên làm cho bà không thể đi ra đường chính, việc làm ảnh hưởng sinh sống của bà và gia đình rất khó khăn, do đây là con đường duy nhất, tồn tại từ trước năm 1975 đến nay, được bà con xung quanh khẳng định là đường đi công cộng. Do đó, bà yêu cầu ông B tháo dỡ hàng rào, trả lại con đường đi công cộng để bà được đi vào sử dụng canh tác phần đất của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thanh B có bà Đoàn Thị Thiên Thanh T và bà Nguyễn Thị N đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ba ông Nguyễn Thanh B, ba ông B nhận chuyển nhượng 10.000 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 1304-1, 1356-1, tờ bản đồ số 4, 19, Bộ địa chính xã TPT, huyện C từ ông Lê Quang V vào năm 2001, năm 2013 ba của ông B tặng cho ông B, trong tất cả các lần chuyển nhượng và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đều không thể hiện con đường đi công cộng tiếp giáp đất với bà T. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Hồng N, Huỳnh Ngọc X có bà Huỳnh Ngọc T đại diện trình bày:

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị ông B tháo dỡ bức tường trả lại con đường đi công cộng.

Những người làm chứng gồm các ông/bà: Huỳnh Tấn T, Trần Thị U, Lê Thị N, Nguyễn Văn C, Huỳnh Văn Đ, Nguyễn Tấn H, Trần Văn N, Huỳnh Văn Đ trình bày:

Các ông bà là người dân sống tại địa phương, biết rõ trước đây có con đường đi công cộng giữa 02 phần đất tiếp giáp của ông B và bà T, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay, các ông bà không có đi trên con đường này vì đều có đường đi khác, chỉ còn bà T, bà N và bà X phải đi trên con đường này thì mới vào được đất của họ.

Người làm chứng ông Bùi Văn B trình bày:

Ông là người sinh ra, lớn lên tại địa phương và làm trưởng ấp XD từ năm 2005 đến năm 2015 nên biết rất rõ về nguồn gốc con đường mà 02 bên đang tranh chấp, ông khẳng định không có con đường đi công cộng như các bên trình bày, mà chỉ là đường mòn tự chừa của chủ đất cũ, sau đó chuyển nhượng lại cho

ba ông B, ba ông B tặng cho ông B. Khi còn là trưởng ấp, chính ông đã vận động chủ cũ cho các hộ dân liền kề đi nhờ để đổ đất san lấp cho những phần đất của họ, sau khi san lấp xong thì bang đất trả lại hiện trạng cho chủ cũ, chứ không phải là đường đi công cộng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B tháo dỡ bức tường trả lại đường đi công cộng có diện tích 443,9m<sup>2</sup> theo bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Đo đạc bản đồ HT lập ngày 19/6/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 30/6/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19/01/2021 nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 19/01/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã ra Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DSST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C với lý do; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch. Thấy, Tòa cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu án phí dân sự theo mức án phí có giá ngạch là không đúng. Do đó kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Luật sư bảo vệ của nguyên đơn cho rằng bà T khởi kiện tranh chấp lối đi chung, yêu cầu phá dỡ công trình xây dựng trái phép trên lối đi và chấm dứt hành vi trái pháp luật nhưng cấp sơ thẩm lại xác định tranh chấp quyền sử dụng đất là không đúng

Căn cứ vào các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T và một số hộ dân có đất liền kề với bà T đều thể hiện có con đường đất.

Căn cứ Bản vẽ do Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Đo đạc bản đồ HT lập thể hiện phần diện tích đất tranh chấp là 443,9m<sup>2</sup> theo Tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 486 tờ Bản đồ số 19, theo tài liệu 2003 thuộc một phần thửa 398 diện tích là 25,3m<sup>2</sup> một phần thửa 399 diện tích là 10,3m<sup>2</sup> và đường đất diện tích là 408,3m<sup>2</sup>, nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ thửa đất 398, 399 chủ sử dụng đất là ai

Theo Bản vẽ ngày 22/3/2017 do Trung tâm Đo đạc bản đồ Thành phố H lập thể hiện phần đất bà sử dụng thuộc thửa 1087, tờ bản đồ số 16 theo tài liệu 299/TTg và tài liệu năm 2004 thì hướng Bắc của thửa đất có thể hiện đường đất

bắt đầu từ giao lộ với đường hẻm số 3 của đường 86 cho đến giao lộ của đường Tỉnh lộ 2 nhưng Tòa không xem xét bản vẽ này làm căn cứ giải quyết vụ án

Các Văn bản của Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân xã TPT về việc phúc đáp các công văn xác minh của Tòa án chưa rõ ràng nhưng Tòa án không tiến hành thu thập xác minh làm rõ chính từ những vi phạm tố tụng trong quá trình thu thập chứng cứ dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không toàn diện, không đảm bảo được quyền lợi của bà T khi quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất trong khi nguyên đơn khởi kiện tranh chấp lỗi đi chung. Từ việc xác định sai quan hệ tranh chấp dẫn đến việc áp dụng pháp luật và tính án phí có giá ngạch trong vụ án này là không đúng. Tòa cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng trong quá trình thu thập chứng cứ dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không toàn diện, triệt để nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ để Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T còn trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về kháng nghị của Viện Kiểm sát cũng trong hạn luật định. Tuy nhiên ngày 31/3/2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã ra Quyết định số 34/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ quyết định kháng nghị phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ đối với Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 19/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật. Căn cứ vào Đơn khởi kiện thì nguyên đơn bà T yêu cầu ông B trả lại lỗi đi công cộng và tháo dỡ tường rào xây

dựng trên phần đất là lỗi đi chung. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất là không chính xác như luật sư bảo vệ cho nguyên đơn và đại diện viện kiểm sát đã phân tích nêu trên là có căn cứ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Những người làm chứng: bà Trần Thị U, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C, ông Huỳnh Văn Đ, ông Nguyễn Tất H, ông Trần Văn N, ông Huỳnh Văn Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc T đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông B phải tháo dỡ tường rào và giao trả lại lối đi công cộng.

Thấy, Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7016 QSDĐ/CQ ngày 13/11/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp với diện tích là 10.000m<sup>2</sup> thửa số 1304-1, 1356-1, tờ bản đồ số 4, 19 (Tài liệu bản đồ 02/CT/UB) thể hiện khu đất của ông OS (sau này đã tặng cho ông Nguyễn Thanh B được cập nhật biến động tại trang 4 sổ vào sổ CH06311, ngày 26/12/2013) có ranh đất tiếp giáp với đất của bà Huỳnh Ngọc T (không thể hiện đường đất).

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HO1097/12 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Huỳnh Ngọc T ngày 19/9/2007 thể hiện phần diện tích đất 144,7m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1087, tờ bản đồ số 16 thể hiện có đường đất phía trước.

Xét, trong hồ sơ thể hiện Tòa cấp sơ thẩm có văn bản xác minh số 687/TA-DS ngày 29/9/2017 nhưng chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TPT cung cấp các thông tin về việc có con đường đất thông ra Hương lộ 2 hay không? Tòa cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ tại sao trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B không thể hiện có con đường đất, nhưng trong giấy chứng nhận của bà T lại thể hiện có con đường đất. Như vậy, Giấy chứng nhận nào được Ủy ban nhân dân huyện C cấp đúng, giấy chứng nhận nào cấp không đúng và thực tế có con đường đất hay không, trường hợp nếu có tồn tại con đường thì con đường đất đó được hình thành trên phần diện tích đất công hay do người dân tự mở đi nhờ trên phần diện tích đất của chủ sử dụng khác và có được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận là đường công cộng thể hiện trên bản đồ địa chính hay không?

Theo nội dung đơn khởi kiện (bút lục số 74) bà T kiện tranh chấp con đường đi ngang khoảng 3m x 80m chiều dài với chủ thửa đất là ông Nguyễn Thanh B, yêu cầu ông B trả lại con đường đi khoảng 240m<sup>2</sup> đất. Trong quá trình giải quyết bà T có nộp Bản vẽ sơ đồ nhà đất bổ túc hồ sơ xin giải quyết tranh chấp (Bút lục số 290) thể hiện phần diện tích đất tranh chấp là 443,9m<sup>2</sup> đất. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ phần diện tích đất tranh chấp nêu trên, việc này được thể hiện trong Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi Trường Thành phố H lập

ngày 23/3/2017 chỉ thể hiện vị trí diện tích thuộc quyền sử dụng của bà T mà không thể hiện phần diện tích đất tranh chấp theo bà T là lỗi đi chung. Phần đất tranh chấp chưa được áp ranh tài liệu bản đồ 299/TTg. Chưa làm rõ phần diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại các thửa đất nào, do ai trực tiếp quản lý sử dụng. Thấy, Tòa cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Đo đạc bản đồ HT lập ngày 19/6/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 30/6/2020 do bà T cung cấp để từ đó cho rằng phần đất mà bà T tranh chấp thuộc một phần đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông Nguyễn Thanh B nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là chưa chính xác. Như đã phân tích nêu trên cho thấy Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, trong quá trình thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không toàn diện, khách quan. Thấy những vi phạm này cấp Phúc thẩm không thể khắc phục được. Trong quá trình giải quyết Tòa cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Thấy, hiện tại phần diện tích đất của bà T bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề, nếu trong trường hợp phần đất đang tranh chấp không phải là lỗi đi chung thì khi giải quyết Tòa cấp sơ thẩm cần phải xem xét giải quyết triệt để vụ án về mở lối đi cho bà T theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 38, Điều 148, Điều 296, Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Đình chỉ Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 19/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

2. Chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc T.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại bà T số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0085554 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C lập ngày 19/01/2021.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP. H;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thủy**